**Bảng 3.4: Phân loại chất lượng môi trường theo mức độ phong phú của động vật KXS đáy cỡ trung bình và giun tròn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chất lượng môi trường** | **Giải thích** |
| Rất tốt | Quần xã quan sát được tương đương hoàn toàn hoặc gần như hoàn toàn với điều kiện của nơi không có các tác động nhân tạo hoặc các tác động nhân tạo được coi là không đáng kể |
| Tốt | Có các thay đổi nhỏ trong quần xã được quan sát khi so sánh với quần xã đối chứng |
| Trung bình | Thành phần của quần xã được quan sát không giống ở mức trung bình so với quần xã đối chứng. Các nhóm chính bị thiếu khi so sánh với các nhóm trong danh mục phân loại của quần xã đối chứng. |
| Xấu | Thành phần của quần xã được quan sát không giống ở mức đáng kể so với quần xã đối chứng. Nhiều nhóm bị thiếu so với các nhóm trong danh mục phân loại của quần xã đối chứng. |
| Rất xấu | Quần xã được quan sát bị suy giảm trầm trọng khi được so sánh với quần xã đối chứng. Chỉ các nhóm phân loại có khả năng sống trong điều kiện cực kỳ bị xáo trộn là có mặt. |

**Bảng 3.5. Đánh giá mức độ ô nhiễm theo điểm so sánh tổng họ động vật KXS đáy trung bình và giun tròn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổng số họ trong một điểm thu mẫu** | **Thang điểm** |
|  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| Tổng số họ ĐVĐ trung bình | 10 | 10-19 | 20-29 | 30-39 | >40 |
| Tổng số họ giun tròn (Nematoda) | 1-6 | 7-13 | 14-18 | 19-25 | >25 |
| % ưu thế của một họ giun tròn hoặccủa 1 họ ĐVĐTB | >85 | >70-85 | 55-70 | 40-55 | <40 |
| Chú thích: 1- Ô nhiễm nặng; 2- Ô nhiễm; 3- Ô nhiễm nhẹ; 4- Chưa bị ô nhiễm; 5- Không ônhiễm. |